

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**QUÝ 2 CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
SANEST KHÁNH HÒA**



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2 - 3
3. Báo cáo của Ban Điều hành	4
4. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	5 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	10 - 11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	14 - 44



THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 16 tháng 11 năm 2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201675916 thay đổi lần thứ 1 ngày 16 tháng 11 năm 2017 được cấp bởi Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH một thành viên sang công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát Sanest Khánh Hòa.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ năm ngày 05 tháng 5 năm 2026 bởi Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa do thay đổi người đại diện theo pháp luật và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại : 0258 3865 666
- Fax : 0258 3865 664

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Địa điểm kinh doanh cửa hàng 158 Ngô Gia Tự, Phan Rang – Tháp Chàm, Ninh Thuận	158 Ngô Gia Tự, Phường Thanh Sơn, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng 321 Trần Hưng Đạo, Phan Thiết, Bình Thuận	321 Trần Hưng Đạo, phường Bình Hưng, tỉnh Lâm Đồng

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Khoa Bảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2026
Ông Lê Đức Tiến	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2026
Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2025
Bà Bùi Thị Hạnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Xuân Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Huy Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2026
Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2026

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Hoàng Thị Ân Vũ	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Minh Quân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Bà Lê Thị Thanh Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2026
Bà Huỳnh Thị Trần Lê	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2026

Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Lê Hoàng Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2024
Ông Nguyễn Xuân Anh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2022
Ông Trương Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2024
Bà Ngô Thị Xuân Nghĩa	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2025

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Khoa Bảo	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Từ ngày 22 tháng 4 năm 2026
Ông Lê Đức Tiến	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Đến ngày 22 tháng 4 năm 2026

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (gọi chung là “Công ty”).

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

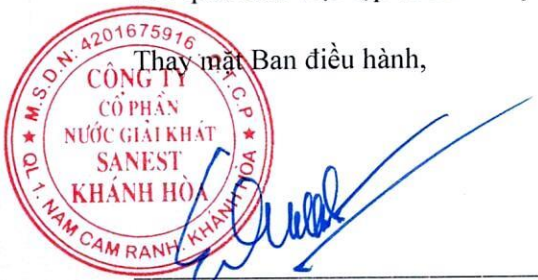
Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công bố của Ban điều hành

Theo ý kiến của Ban điều hành, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban điều hành,



Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện pháp luật

Ngày 29 tháng 7 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		451.321.656.509	518.623.495.146
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	112.992.870.424	147.407.051.167
1. Tiền	111		112.992.870.424	90.407.051.167
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	57.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		32.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	32.000.000.000	-
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.349.066.180	37.330.790.799
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	41.002.928.324	34.455.834.796
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.987.134.991	1.466.730.018
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	1.359.002.865	1.408.225.985
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		-	-
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		255.380.438.803	324.017.888.305
1. Hàng tồn kho	141	V.6	255.380.438.803	324.017.888.305
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		6.599.281.102	9.867.764.875
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7a	4.794.751.225	4.062.446.658
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	128.151.719
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.14	1.804.529.877	5.677.166.498
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		160.452.100.148	171.313.006.808
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		45.000.000	165.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	45.000.000	165.000.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		139.316.410.574	145.722.772.648
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	138.561.359.275	145.428.016.403
- Nguyên giá	222		424.103.064.707	418.318.063.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(285.541.705.432)	(272.890.047.188)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	755.051.299	294.756.245
- Nguyên giá	228		1.798.297.779	1.198.297.779
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.043.246.480)	(903.541.534)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn				
a) trưởng thành	232		-	-
Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng				
b) thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		5.178.317.329	6.183.328.177
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.10	5.178.317.329	6.183.328.177
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		15.912.372.245	19.241.905.983
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7b	10.742.376.909	13.416.352.550
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	V.11	5.169.995.336	5.825.553.433
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		611.773.756.657	689.936.501.954

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		205.810.441.453	268.884.365.947
I. Nợ ngắn hạn	310		205.810.441.453	247.838.005.336
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	64.268.487.125	99.339.573.874
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	785.254.311	75.516.904
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	3.850.381.283	8.822.216.587
5. Phải trả người lao động	315	V.15	45.541.409.062	22.571.746.353
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16	1.916.151.141	1.843.962.146
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.17a,c	5.183.802.474	9.734.805.882
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.18a,c	79.425.273.934	102.018.633.136
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	4.839.682.123	3.431.550.454
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	21.046.360.611
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.18b,c	-	21.046.360.611
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		405.963.315.204	421.052.136.007
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	330.000.000.000	330.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		330.000.000.000	330.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	50.395.658.361	46.642.443.526
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.20	25.567.656.843	44.409.692.481
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ				
- trước	420a		16.250.365	44.409.692.481
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		25.551.406.478	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		611.773.756.657	689.936.501.954

Ngô Thị Xuân Nghĩa
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Lê Hoàng Anh
Tổng Giám đốc



Phê duyệt, ngày 29 tháng 7 năm 2026

Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	352.161.035.183	318.780.889.577	766.327.977.418	643.360.662.913
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	3.509.794.444	97.309.300	3.509.794.444
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		352.161.035.183	315.271.095.133	766.230.668.118	639.850.868.469
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	276.518.462.195	241.620.127.468	606.933.889.331	498.626.732.454
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		75.642.572.988	73.650.967.665	159.296.778.787	141.224.136.015
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	1.126.539.966	376.019.065	1.651.953.554	820.286.414
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	2.411.555.656	1.773.031.877	4.664.434.234	3.800.086.080
Trong đó: chi phí đi vay	24		2.171.032.050	1.773.031.877	4.423.910.628	3.794.211.731
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	34.061.628.050	35.794.053.640	68.492.071.352	58.725.446.816
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	16.206.751.582	15.290.751.090	41.158.134.720	36.870.574.988
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		-	-	-	-
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.089.177.666	21.169.150.123	46.634.092.035	42.648.314.545

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

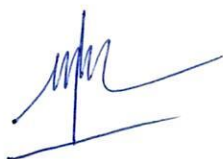
Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
13. Thu nhập khác	31	VI.8	294.276.264	370.555.503	294.276.264	398.212.602
14. Chi phí khác	32	VI.9	17.497	42.897.746	17.497	79.579.172
15. Lợi nhuận khác	40		294.258.767	327.657.757	294.258.767	318.633.430
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.383.436.433	21.496.807.880	46.928.350.802	42.966.947.975
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	4.231.661.486	4.263.913.616	8.740.644.360	9.043.244.154
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	655.558.097	65.507.232	655.558.097	(395.403.504)
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>19.496.216.850</u>	<u>17.167.387.032</u>	<u>37.532.148.345</u>	<u>34.319.107.325</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		19.496.216.850	17.167.387.032	37.532.148.345	34.319.107.325
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	<u>461</u>	<u>395</u>	<u>887</u>	<u>811</u>
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	<u>461</u>	<u>395</u>	<u>887</u>	<u>811</u>



Ngô Thị Xuân Nghĩa
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Lê Hoàng Anh
Tổng Giám đốc



Phê duyệt, ngày 29 tháng 7 năm 2026

Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		46.928.350.802	42.966.947.975
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.12	12.757.268.315	12.742.417.384
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(15.842.485)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.4	(1.651.129.520)	(799.223.933)
- Chi phí đi vay	06	VI.5	4.423.910.628	3.794.211.731
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		62.458.400.225	58.688.510.672
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.015.128.035)	(32.011.496.461)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	68.637.449.502	48.025.279.898
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(21.554.518.467)	(88.367.578.308)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	V.7	1.941.671.074	7.578.541.708
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14	VI.4, V.16	(4.644.084.138)	(3.824.759.893)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(9.636.202.728)	(12.402.187.764)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	120.000.000	127.020.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(6.218.298.000)	(25.889.670.319)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		89.089.289.433	(48.076.340.417)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4,V.8, V.9,V.10,	(4.964.879.883)	(6.245.363.607)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(32.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	1.651.129.520	799.223.933
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(35.313.750.363)	(5.446.139.674)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a,b	161.905.395.284	146.687.093.058
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a,b	(205.545.115.097)	(150.199.949.367)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.5,V.20	(44.550.000.000)	(38.247.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(88.189.719.813)	(41.759.856.309)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(34.414.180.743)	(95.282.336.400)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	147.407.051.167	140.961.072.575
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	15.842.485
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	112.992.870.424	45.694.578.660

Ngô Thị Xuân Nghĩa
Người lập/Kế toán trưởng

Lê Hoàng Anh
Tổng Giám đốc



Phê duyệt, ngày 29 tháng 7 năm 2026

Nguyễn Khoa Bảo
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là: chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ Yến sào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa có trụ sở chính tại Lô 10 Cụm Công nghiệp Diên Phú -VCN, xã Diên Điền, tỉnh Khánh Hòa. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Bán buôn, bán lẻ thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

6. Số lượng người lao động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 836 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 894 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Tập đoàn lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính (“Thông tư 99”) thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và Thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 (“Thông tư 43”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 202/2014/TT-BTC về phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột “Số đầu năm” và cột “Kỳ trước” trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 và Thông tư 43 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM (Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán “SKH” theo Quyết định số 870/QĐ-SGDHN ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 25 tháng 10 năm 2017.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (“VND”) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính 2026 là năm đầu tiên Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và Thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 (“Thông tư 43”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 202/2014/TT-BTC về phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Tập đoàn thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Tập đoàn áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành Tập đoàn đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 và Thông tư 43 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Báo cáo tình hình tài chính giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” hoặc “Tài sản dài hạn khác” tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ có các khoản tiền gửi có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua (phí giao dịch, hoa hồng môi giới,...). Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và chi phí vật tư.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường và sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường không được trình bày là hàng tồn kho mà được trình bày là tài sản dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

8. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Tập đoàn thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Tập đoàn như sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng hoặc cho thuê liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 36 tháng).

Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp

Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp phục vụ cho sản xuất, kinh doanh đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê trả trước.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh hình thành khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được ghi nhận theo giá trị xác định trong Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30 tháng 6 năm 2016. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí không quá 10 năm kể từ ngày Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

Chi phí mua bảo hiểm trả trước

Chi phí mua bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản và các loại bảo hiểm khác đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm (12 tháng).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 12
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	04 - 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Việc xác định phương pháp kế toán áp dụng căn cứ vào bản chất thực tế của từng hợp đồng, đặc biệt là sự tồn tại hay không của quyền đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được xác định khi các quyết định liên quan đến các hoạt động chủ yếu của BCC đòi hỏi phải có sự đồng thuận của tất cả các bên có quyền kiểm soát chung, không phụ thuộc vào tỷ lệ góp vốn hay hình thức pháp lý của hợp đồng.

Trong mọi trường hợp, khi Tập đoàn là bên nhận tiền hoặc tài sản của các bên khác đóng góp cho BCC, khoản nhận này được ghi nhận là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Đối với BCC có quyền đồng kiểm soát

BCC theo hình thức chia lợi nhuận sau thuế

Các bên chỉ được phân chia lợi nhuận nếu BCC có lãi và phải gánh chịu lỗ nếu BCC bị lỗ.

Tập đoàn được chỉ định là bên kế toán và quyết toán thuế cho BCC, Tập đoàn ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí phát sinh của BCC vào sổ kế toán để xác định kết quả và nghĩa vụ thuế. Tuy nhiên, Tập đoàn chỉ ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu và chi phí tương ứng với tỷ lệ Tập đoàn được hưởng hoặc phải gánh chịu.

Xử lý khi BCC đồng kiểm soát chấm dứt hoặc Tập đoàn rút khỏi BCC

Đối với BCC theo hình thức chia lợi nhuận sau thuế: bên kế toán thực hiện tất toán toàn bộ tài sản, nợ phải trả của BCC trên sổ kế toán, xác định kết quả thanh lý và phân bổ cho các bên tham gia theo tỷ lệ thỏa thuận trong hợp đồng. Phần kết quả thanh lý được chia cho Tập đoàn được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Tập đoàn không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Khi ghi nhận nghĩa vụ chi trả, cổ tức phải trả bằng tiền được hạch toán vào “Phải trả cổ tức, lợi nhuận” và được trình bày là nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi Tập đoàn hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Tập đoàn hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Lợi nhuận được chia

Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận lợi nhuận từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chỉ phần lợi nhuận thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản này được theo dõi riêng và kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại, Tập đoàn ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo.
- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Tập đoàn ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, các Công ty trong Tập đoàn xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, các Công ty trong Tập đoàn xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty mẹ, công ty con trong cùng tập đoàn.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Tập đoàn, bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Tập đoàn, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Theo bản chất mối quan hệ kinh tế và tham chiếu thực tiễn quốc tế, Tập đoàn cũng coi các bên đối tác cùng đồng kiểm soát BCC với Tập đoàn là các bên liên quan.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận.
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn).
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.117.212.806	2.835.900.465
Tiền gửi không kỳ hạn	80.875.657.618	87.571.150.702
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	56.297.163.832	40.644.289.662
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	17.715.322.580	22.068.270.361
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa	1.966.330.378	14.952.635.660
- Các ngân hàng khác	4.896.840.828	9.905.955.019
Tiền đang chuyển tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Khánh Hòa	30.000.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	-	57.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Khánh Hòa	-	12.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa	-	10.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 02 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa	-	10.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa	-	5.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	-	11.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 02 tháng tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	-	9.000.000.000
Cộng	112.992.870.424	147.407.051.167

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng, chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ngân hàng TMCP Á Châu	27.000.000.000	27.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Cộng	32.000.000.000	32.000.000.000	-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tất cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn đều có khả năng thu hồi, không cần trích lập dự phòng. Không có biến động dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trong kỳ.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	39.572.312.983	-	33.035.573.238	-
Công ty TNHH Nhà Nước MTV				
Yến sào Khánh Hòa	1.910.162.287	-	17.157.881.638	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát				
Yến sào Khánh Hòa	37.661.310.696	-	15.877.691.600	-
Công ty TNHH MTV Cung ứng				
Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	840.000	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	1.430.615.341	-	1.420.261.558	-
Các khách hàng khác	1.430.615.341	-	1.420.261.558	-
Cộng	41.002.928.324	-	34.455.834.796	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty SALLYCOS	1.533.669.960	-
Công Ty TNHH Kỹ thuật và Thương mại Pacific		
Hitech	-	705.534.570
Công ty TNHH Cơ khí Kim Vinh Hưng	-	216.040.000
Các nhà cung cấp khác	453.465.031	545.155.448
Cộng	1.987.134.991	1.466.730.018

Trong đó, khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 96.228.000 VND (số đầu năm là 1.146.851.770 VND).

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	186.103.488	-	-	-
Công ty TNHH Nhà Nước MTV				
Yến sào Khánh Hòa - cổ tức chi trả thừa	186.103.488	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.172.899.377	-	1.408.225.985	-
Phải thu Bảo hiểm và Thuế				
TNCN của người lao động	632.575.486	-	556.058.697	-
Bà Lê Thu Hương - đặt cọc thuê nhà	120.000.000	-	-	-
Các khoản ký cược, ký quỹ khác	148.033.891	-	113.033.891	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu của người lao động – tiền tạm ứng công tác	212.434.000	-	549.677.069	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	59.856.000	-	189.456.328	-
Cộng	1.359.002.865	-	1.408.225.985	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ	45.000.000	-	165.000.000	-
Cộng	45.000.000	-	165.000.000	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	156.360.832.172	-	203.095.834.057	-
Công cụ, dụng cụ	58.756.007.913	-	34.665.848.551	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.758.304.946	-	15.940.957.105	-
Thành phẩm	26.948.735.935	-	60.718.688.224	-
Hàng hóa	4.664.899.879	-	7.766.616.435	-
Hàng gửi đi bán	891.657.958	-	1.829.943.933	-
Cộng	255.380.438.803	-	324.017.888.305	-

7. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.614.983.808	1.352.539.914
Chi phí bảo hiểm	1.869.624.031	1.550.432.340
Chi phí băng hiệu	519.349.491	638.971.667
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	790.793.895	520.502.737
Cộng	4.794.751.225	4.062.446.658

7b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.796.400.089	3.150.620.705
Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp	7.425.036.546	7.515.770.190
Giá trị lợi thế kinh doanh	-	2.303.903.185
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	520.940.274	446.058.470
Cộng	10.742.376.909	13.416.352.550

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	202.488.343.520	174.419.193.742	25.476.739.425	561.485.455	15.372.301.449	418.318.063.591
Mua trong kỳ	62.013.000	3.200.035.500	435.000.000	-	485.000.000	4.182.048.500
Đầu tư xây dựng hoàn thành	1.201.586.092	401.366.524	-	-	-	1.602.952.616
Số cuối kỳ	203.751.942.612	178.020.595.766	25.911.739.425	561.485.455	15.857.301.449	424.103.064.707
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	18.454.826.616	119.383.421.945	6.161.384.900	380.303.636	3.078.957.996	147.458.895.093
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	112.139.842.105	137.406.688.195	13.375.624.667	479.675.655	9.488.216.566	272.890.047.188
Khấu hao trong kỳ	6.974.265.082	3.859.496.873	1.043.466.728	30.196.970	744.232.591	12.651.658.244
Số cuối kỳ	119.114.107.187	141.266.185.068	14.419.091.395	509.872.625	10.232.449.157	285.541.705.432
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	90.348.501.415	37.012.505.547	12.101.114.758	81.809.800	5.884.084.883	145.428.016.403
Số cuối kỳ	84.637.835.425	36.754.410.698	11.492.648.030	51.612.830	5.624.852.292	138.561.359.275
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Danh mục tài sản cố định hữu hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà xưởng sản xuất	88.027.539.113	80.246.850.642	7.780.688.471
Hệ thống máy móc thiết bị sản xuất	99.793.899.865	99.793.899.865	-
Các tài sản cố định hữu hình khác	236.281.625.729	105.500.954.925	130.780.670.804
Cộng	424.103.064.707	285.541.705.432	138.561.359.275

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.198.297.779	903.541.534	294.756.245
Đầu tư xây dựng hoàn thành	600.000.000		
Khấu hao trong kỳ		139.704.946	
Số cuối kỳ	1.798.297.779	1.043.246.480	755.051.299

Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 594.277.779 VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Danh mục tài sản cố định vô hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phần mềm giải pháp quản trị tổng thể nguồn NS HiStaff	600.000.000	56.451.613	543.548.387
Phần mềm quản lý nhân sự HrOnline	330.000.000	330.000.000	-
Chương trình phần mềm quản lý khác	868.297.779	656.794.867	211.502.912
Cộng	1.798.297.779	1.043.246.480	755.051.299

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Các công trình nghiên cứu các sản phẩm mới	3.522.033.513	212.526.707	-	3.734.560.220
Lắp đặt máy co màng PE block 6	763.704.861	-	-	763.704.861
Phần mềm giải pháp quản trị tổng thể nguồn lực	480.000.000	120.000.000	(600.000.000)	-
Nhà yến số 9- Đức Cơ 01	916.462.418	285.123.674	(1.201.586.092)	-
Các công trình khác	501.127.385	580.291.387	(401.366.524)	680.052.248
Cộng	6.183.328.177	1.197.941.768	(2.202.952.616)	5.178.317.329

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận liên quan đến chi phí lợi thế kinh doanh phân bổ nhanh và lãi nội bộ trong Tập đoàn, phát sinh trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.825.553.433	5.800.320.028
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(655.558.097)	395.403.504
Số cuối kỳ	5.169.995.336	6.195.723.532

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	5.427.366.074	251.606.374
Công ty TNHH MTV Cung ứng vật tư nguyên liệu Khánh Hòa	4.591.423.285	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	663.753.109	118.335.327
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến Sào Khánh Hòa	-	55.630.800
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa	13.112.680	51.216.156
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	-	22.583.220
Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng Sanatech Land	-	3.840.871
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	159.077.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	58.841.121.051	99.087.967.500

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Lon nước giải khát TBC-BALL Việt Nam	12.957.324.343	12.205.636.221
Công ty TNHH 79 Ngô Gia Tự	8.983.072.476	25.116.033.832
Công ty TNHH NHT	6.680.370.996	6.027.188.076
Các nhà cung cấp khác	30.220.353.236	55.739.109.371
Cộng	64.268.487.125	99.339.573.874

Trong đó, khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 80.622.000 VND (số đầu năm là 750.230.260 VND).

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
L&FS Global Trading P/L	355.337.023	-
Các khách hàng khác	429.917.288	75.516.904
Cộng	785.254.311	75.516.904

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Điều chỉnh khác	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.213.531.734	5.266.754.608	29.096.974.240	(22.700.047.063)	-	2.343.704.303	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	(57.650.589)	-	-	57.650.589
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.873.724	410.411.890	8.740.644.360	(9.636.202.728)	-	484.782.754	1.746.879.288
Thuế thu nhập cá nhân	7.547.727.871	-	1.373.060.447	(1.209.263.055)	(6.689.775.470)	1.021.749.793	-
Tiền thuê đất, thuế đất phi nông nghiệp	-	-	35.327.650	(35.327.650)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	17.083.258	-	169.474.543	(186.413.368)	-	144.433	-
Cộng	8.822.216.587	5.677.166.498	39.415.481.240	(33.824.904.453)	(6.689.775.470)	3.850.381.283	1.804.529.877

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Hàng xuất khẩu : 0%
- Đường phèn, đường kết tinh, nước sạch : 5%

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Hàng hóa khác : 10%

06 tháng đầu năm 2026, thuế suất giá trị gia tăng của một số mặt hàng, dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 7.284,7 m² đất đang sử dụng tại Nam Cam Ranh với mức 2.376 VND/m² theo Quyết định số 3863/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 và Quyết định số 3864/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng hiệu quả còn phải trả cho người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	-	220.173.510
Các chi phí phục vụ hoạt động bán hàng	1.576.199.566	1.159.050.227
Chi phí tiền điện phải trả	231.569.334	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	108.382.241	464.738.409
Cộng	1.916.151.141	1.843.962.146

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	596.362.558	1.004.812.092
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành	596.362.558	1.004.812.092
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	4.587.439.916	8.729.993.790
Kinh phí công đoàn	4.372.895.589	4.229.910.024
Thuế TNCN còn phải hoàn trả cho người lao động	-	4.355.883.390
Các khoản ký quỹ, ký cược	55.500.000	55.500.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	159.044.327	88.700.376
Cộng	5.183.802.474	9.734.805.882

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Vay ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	79.425.273.934	96.006.633.136
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	79.425.273.934	64.603.267.580
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	-	10.306.722.139
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	21.096.643.417
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	-	6.012.000.000
Cộng	79.425.273.934	102.018.633.136

Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2025/HMCV-SANEST ngày 20 tháng 6 năm 2025 và tiếp tục được gia hạn cấp tín dụng đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2026 để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương án sử dụng vốn vay nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định, hạn mức vay là 150 tỷ đồng, thời hạn giải ngân trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất tiền vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng cho vay hạn mức số 38/2025-HĐCVHM/NHCT580-KHDNL ngày 26 tháng 6 năm 2025 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay tối đa là 05 tháng, lãi suất tiền vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này đã tắt toán trong kỳ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng cấp tín dụng số 287651.25.800.3635296.TD ngày 28/08/2025, hạn mức vay là 100 tỷ đồng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh yếm sào, các sản phẩm chế biến từ yếm, thời hạn vay 05 tháng, thời hạn hợp đồng vay đến 31/03/2026. Khoản vay này đã tắt toán trong kỳ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Số tiền vay đã trả	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn	96.006.633.136	161.905.395.284	(178.486.754.486)	-	79.425.273.934
Vay dài hạn đến hạn trả	6.012.000.000	-	(7.515.000.000)	1.503.000.000	-
Cộng	102.018.633.136	161.905.395.284	(186.001.754.486)	1.503.000.000	79.425.273.934

18b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	-	21.046.360.611
Cộng	-	21.046.360.611

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn trả được các khoản vay dài hạn.

Khoản vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 115/2022-HĐCVĐAT/NHCT580-KHDNL ngày 21 tháng 12 năm 2022 để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến đặc sản Yến sào. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất tiền vay được xác định trong từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất thuê tại Lô số 10, Cụm công nghiệp Diên Phú mở rộng, xã Diên Điền, tỉnh Khánh Hòa và toàn bộ các tài sản gắn liền với thửa đất này. Trong kỳ, Tập đoàn đã thanh toán hết nợ vay và xóa đăng ký biện pháp đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất này.

Kỳ hạn thanh toán của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	-	6.012.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	-	21.046.360.611
Cộng	-	27.058.360.611

Phát sinh về khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	21.046.360.611	30.416.585.111
Số tiền vay đã trả	(19.543.360.611)	(3.358.224.500)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(1.503.000.000)	(3.006.000.000)
Số cuối kỳ	-	24.052.360.611

18c. Vay và nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích từ lợi nhuận trong kỳ</u>	<u>Nhận khen thưởng, phúc lợi</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	305.500.829	704.935.181	120.000.000	(799.096.000)	331.340.010
Quỹ phúc lợi	3.126.049.625	6.801.494.488	-	(5.419.202.000)	4.508.342.113
Cộng	3.431.550.454	7.506.429.669	120.000.000	(6.218.298.000)	4.839.682.123

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	330.000.000.000	40.087.911.829	38.271.980.431	408.359.892.260
Chia cổ tức năm 2024	-	-	(38.247.000.000)	(38.247.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	34.319.107.325	34.319.107.325
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	3.431.910.732	(3.431.910.732)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(6.863.821.466)	(6.863.821.466)
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban	-	-	(686.382.147)	(686.382.147)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
điều hành				
Số dư cuối kỳ trước	330.000.000.000	43.519.822.561	23.361.973.411	396.881.795.972
Số dư đầu năm nay	330.000.000.000	46.642.443.526	44.409.692.481	421.052.136.007
Chia cổ tức năm 2025	-	-	(44.363.896.512)	(44.363.896.512)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	37.532.148.345	37.532.148.345
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển	-	3.753.214.835	(3.753.214.835)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(7.506.429.669)	(7.506.429.669)
Tạm trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	(750.642.967)	(750.642.967)
Số dư cuối kỳ này	330.000.000.000	50.395.658.361	25.567.656.843	405.963.315.204

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết góp vốn theo cổ đông lớn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	168.500.000.000	168.500.000.000
Các cổ đông khác	161.500.000.000	161.500.000.000
Cộng	330.000.000.000	330.000.000.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.000.000	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	33.000.000	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.000.000	33.000.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết số 01/2026-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong kỳ này
• Chia cổ tức cho cổ đông	44.550.000.000	186.103.488	44.363.896.512
• Trích quỹ đầu tư phát triển	6.554.531.697	6.554.531.697	-
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.109.063.393	13.109.063.393	-
• Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành	1.310.906.339	1.310.906.339	-

Ngoài ra, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận của 6 tháng đầu của năm 2026 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 3.753.214.835
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 7.506.429.669
• Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ thưởng Ban điều hành	: 750.642.967

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

21a. Tài sản thuê ngoài

- Tài sản thuê ngoài tại Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Sanest Khánh Hòa

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	678.454.320	1.162.231.200
Trên 1 năm đến 5 năm	73.790.640	752.244.960
Cộng	752.244.960	1.914.476.160

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê mặt bằng tại Cửa hàng tại 158 Ngô Gia Tự, phường Phan Rang, tỉnh Khánh Hòa với giá thuê cho năm đầu tiên là 18.480.000 VND/tháng, mỗi năm tăng đơn giá thêm 10%. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn tính từ ngày 10 tháng 4 năm 2024 đến ngày 09 tháng 4 năm 2028.
- Tổng số tiền thuê mặt bằng làm Văn phòng tại 9D Lê Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với giá thuê là 65.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 02 năm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
- Tổng số tiền thuê mặt bằng làm Cửa hàng tại 147 Trần Hưng Đạo, Phan Thiết, Lâm Đồng với giá thuê là 20.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 01 tháng 9 năm 2026.

- Tài sản thuê ngoài tại Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.398.000.000	288.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	1.620.000.000	-
Cộng	3.018.000.000	288.000.000

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 126,4 m² đất tại 2070 Hùng Vương, TDP Lộc Thành, phường Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa với giá thuê là 228.000.000 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 02 năm tính từ ngày 02 tháng 08 năm 2025.
- Tổng số tiền thuê 119,7 m² đất tại 39 Lê Quý Đôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với giá thuê là 90.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 03 năm tính từ ngày 18 tháng 01 năm 2026.
- Tổng số tiền thuê 338 m² đất tại 03 Nguyễn Chánh, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với giá thuê là 95.000.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 01 năm tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2026.

21b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền chỉ có 14.003,14 USD (số đầu năm là 1.568,03 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thành phẩm	273.963.403.530	270.420.043.365	635.255.677.822	540.560.195.653
Doanh thu bán hàng hóa	76.454.787.889	47.892.067.351	127.403.828.591	101.576.435.556
Doanh thu bán nguyên vật liệu	736.895.250	310.434.600	1.917.151.650	917.495.600
Doanh thu khác	1.005.948.514	158.344.261	1.751.319.355	306.536.104
Cộng	352.161.035.183	318.780.889.577	766.327.977.418	643.360.662.913

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	-	3.509.794.444	97.309.300	3.509.794.444
Cộng	-	3.509.794.444	97.309.300	3.509.794.444

3. Giá vốn hàng bán

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	233.232.317.077	200.925.543.174	492.394.527.783	412.977.091.650
Giá vốn của hàng hóa đã bán	41.669.923.936	40.243.855.319	111.220.880.788	84.457.181.334
Giá vốn của nguyên vật liệu	732.643.639	310.454.414	1.933.040.400	917.208.424
Giá vốn khác	883.577.543	140.274.561	1.385.440.360	275.251.046
Cộng	276.518.462.195	241.620.127.468	606.933.889.331	498.626.732.454

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.125.715.932	356.649.889	1.651.129.520	799.223.933
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	824.034	3.526.691	824.034	5.219.996

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	15.842.485	-	15.842.485
Cộng	1.126.539.966	376.019.065	1.651.953.554	820.286.414
5. Chi phí tài chính				
	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay –				
Lãi vay	2.171.032.050	1.773.031.877	4.423.910.628	3.794.211.731
Chi phí trả nợ gốc trước hạn	240.523.606	-	240.523.606	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	5.874.349
Cộng	2.411.555.656	1.773.031.877	4.664.434.234	3.800.086.080
6. Chi phí bán hàng				
	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	16.713.223.321	9.260.492.411	30.586.049.596	15.698.115.146
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ, dụng cụ	1.418.828.150	3.603.449.870	6.039.741.692	6.847.014.598
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.016.461	53.035.709	137.338.943	118.137.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.397.859.889	6.451.987.853	13.688.718.088	12.382.790.761
- Chi phí vận chuyển	2.455.357.840	3.071.434.700	6.607.113.016	5.965.883.118
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	3.942.502.049	3.380.553.153	7.081.605.072	6.416.907.643
Các chi phí khác	9.462.700.229	16.425.087.797	18.040.223.033	23.679.388.887
- Chi phí cho đại lý, nhà phân phối	3.177.900.934	11.275.542.172	6.203.008.736	13.051.518.799
- Các chi phí khác	6.284.799.295	5.149.545.625	11.837.214.297	10.627.870.088
Cộng	34.061.628.050	35.794.053.640	68.492.071.352	58.725.446.816
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp				
	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.099.468.105	8.437.993.298	22.205.589.470	18.014.606.079
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ	972.464.548	1.614.536.902	3.567.955.991	2.484.537.302

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
dụng cụ				
Chi phí khấu hao tài sản cố định	662.359.814	597.345.522	1.293.185.085	1.182.480.004
Thuế, phí và lệ phí	129.547.686	207.410.962	248.887.760	232.410.962
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.760.228.531	1.662.526.965	3.651.477.883	3.778.129.471
Các chi phí khác	1.582.682.898	2.770.937.441	10.191.038.531	11.178.411.170
Cộng	16.206.751.582	15.290.751.090	41.158.134.720	36.870.574.988

8. Thu nhập khác

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ xử lý kết quả kiểm kê	-	366.671.651	-	375.930.505
Thu nhập từ bồi thường lũ lụt	290.842.227	-	290.842.227	-
Thu nhập khác	3.434.037	3.883.852	3.434.037	22.282.097
Cộng	294.276.264	370.555.503	294.276.264	398.212.602

9. Chi phí khác

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	17.497	42.897.746	17.497	79.579.172
Cộng	17.497	42.897.746	17.497	79.579.172

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.915.395.471	787.147.979	1.915.395.471	1.367.957.710
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.259.837.374)	(721.640.747)	(1.259.837.374)	(1.763.361.214)
Cộng	655.558.097	65.507.232	655.558.097	(395.403.504)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Lãi trên cổ phiếu

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.532.148.345	17.167.387.032	37.532.148.345	34.319.107.325
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành	(4.289.167.707)	(4.119.859.554)	(8.257.072.636)	(7.550.203.613)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	33.242.980.638	13.047.527.478	29.275.075.709	26.768.903.712
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	33.000.000	33.000.000	33.000.000	33.000.000
Lãi trên cổ phiếu	461	395	887	811

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa đã bán	43.602.964.336	40.243.855.319	113.153.921.188	84.457.181.334
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	199.503.961.861	223.488.158.435	426.212.646.188	416.780.103.838
Chi phí nhân công	64.802.764.228	50.073.941.057	132.934.207.311	104.024.082.923
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.429.833.158	6.305.940.660	12.757.268.315	12.742.417.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.964.249.216	13.955.376.833	27.417.459.632	25.904.882.702
Các chi phí khác	48.797.528.050	19.791.668.250	68.515.908.122	36.297.176.069
Cộng	376.101.300.849	353.858.940.554	780.991.410.756	680.205.844.250

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
Trong kỳ, Công ty đã mua bằng cách nhận nợ một số tài sản cố định trị giá 80.622.000 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.17.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng tiền lương, thưởng, thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
06 tháng đầu năm 2026				
Chủ tịch Hội đồng quản trị (đến ngày 22/04/2026)	-	56.779.000	51.000.000	107.779.000
Chủ tịch Hội đồng quản trị (từ ngày 22/04/2026)	-	3.950.000	10.200.000	14.150.000
Thành viên Hội đồng quản trị	-	77.733.270	49.800.000	127.533.270
Thành viên Hội đồng quản trị (đến ngày 22/04/2026)	-	49.628.000	41.500.000	91.128.000
Thành viên Hội đồng quản trị (từ ngày 22/04/2026)	-	2.000.000	8.300.000	10.300.000
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	280.093.077	64.440.270	-	344.533.347
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	243.726.924	60.290.270	-	304.017.194
Phó Tổng Giám đốc	244.553.846	64.639.270	-	309.193.116
Phó Tổng Giám đốc	244.686.539	64.839.270	-	309.525.809
Trưởng Ban kiểm soát	255.101.538	63.040.270	-	318.141.808
Thành viên Ban kiểm soát	-	31.500.000	36.000.000	67.500.000
Thành viên Ban kiểm soát (đến ngày 22/04/2026)	-	34.628.000	30.000.000	64.628.000
Thành viên Ban kiểm soát (từ ngày 22/04/2026)	-	2.500.000	6.000.000	8.500.000
Kế toán trưởng	218.097.885	64.989.270	-	283.087.155
Cộng	1.486.259.809	640.956.890	232.800.000	2.360.016.699

06 tháng đầu năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao Cộng thu nhập
Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	29.200.000	68.200.000 97.400.000
Thành viên Hội đồng quản trị	-	37.208.160	52.400.000 89.608.160
Thành viên Hội đồng quản trị	-	21.408.160	52.400.000 73.808.160
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	219.600.000	34.605.000	- 254.205.000
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	187.650.000	40.635.000	- 228.285.000
Thành viên HĐQT (đến ngày 26/03/2025)	44.706.501	28.680.000	- 73.386.501
Phó Tổng Giám đốc	187.650.000	43.905.000	- 231.555.000
Phó Tổng Giám đốc	187.650.000	39.213.160	- 226.863.160
Trưởng Ban kiểm soát	202.400.000	38.613.160	- 241.013.160
Thành viên Ban kiểm soát	-	14.500.000	36.000.000 50.500.000
Thành viên Ban kiểm soát	-	11.408.160	36.000.000 47.408.160
Kế toán trưởng	170.660.000	46.113.160	- 216.773.160
Cộng	1.200.316.501	385.488.960	245.000.000 1.830.805.461

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa	Công ty mẹ, sở hữu 51,06% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	Công ty con của Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa Lâm Đồng ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nông trường Dừa Cam Thịnh ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Fishsan ⁽ⁱ⁾	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	Công ty có Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị

⁽ⁱ⁾ Đến ngày kết thúc kỳ kế toán, các công ty này đã giải thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT SANEST KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1, xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến sào Khánh Hòa		
Công ty chi cổ tức	22.747.500.000	19.529.150.000
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	497.945.696.062	431.453.073.921
Mua hàng hóa, dụng cụ, dịch vụ và lắp đặt thiết bị	35.213.711.668	59.355.289.521
Chi hỗ trợ bán hàng	-	21.693.749.319
Thuê xe vận chuyển	727.883.402	150.138.011
Dịch vụ ăn, uống	35.330.907	7.642.084
Bù trừ công nợ	37.952.982.019	61.949.539.549
Thu tiền bán hàng	518.352.421.964	333.723.994.354
Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	100.586.674.184	49.679.103.600
Mua hàng hóa, dụng cụ, nguyên liệu	80.727.270.360	50.813.937.100
Bù trừ công nợ	87.675.176.048	54.456.742.640
Thu tiền bán hàng	-	199.805.616
Công ty TNHH MTV Cung ứng vật tư nguyên liệu Khánh Hòa		
Doanh thu bán hàng hóa	32.044.445	-
Mua nguyên liệu	-	11.743.850.000
Chi phí sử dụng dịch vụ	1.075.643.614	14.946.260
Công ty thanh toán tiền	21.415.712.184	9.834.191.960
Thu tiền bán hàng	33.768.000	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.053.231.440	496.953.527
Mua hàng hóa, công cụ, sử dụng dịch vụ	1.882.467.664	2.325.505.406
Bù trừ công nợ	1.489.849.000	1.876.235.035
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam		
Doanh thu bán hàng hóa	-	44.400.000
Mua xăng dầu và dịch vụ	-	3.888.926.499
Công ty thanh toán tiền	-	8.092.143.832
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land		
Mua vật liệu, phí tư vấn, sửa chữa...	92.315.006	86.196.827
Công ty thanh toán tiền	104.687.379	4.321.400
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist		
Doanh thu bán hàng hóa	-	8.015.741

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

44